Mẫu số: 01/CNKD-NCCNN-TMĐT
(Kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
Form No: 01/CNKD-NCCNN-TMĐT
(Along with Circular No. 89/2026/TT-BTC dated 30th Jul 2026 of the Minister of Finance

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI, HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tax declaration for Foreign providers, Business Households, and Individuals Conducting Business on E-commerce Platforms

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm……..
Tax period: Month…. Year….

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:....
First time Time of adjustment

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:……..
Name of Platform operator

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: …….....
Tax identification number:

[06] Tên tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế, tổ chức được ủy quyền (nếu có):……
Name of tax agent, authorized organization (if any)

[07] Mã số thuế: …….....
Tax identification number of tax agent, authorized organization:

[08] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:……..Ngày:……...
Contract to tax agent, authorized organization: Number……..Date:……..

Currency/Đơn vị tiền: ...

STT	Nội dung/Contents	Mã chỉ tiêu/Code of contents	Doanh thu/Revenue	Số thuế đã khấu trừ/Tax withhold		
				Thuế GTGT/VAT	Thuế TNDN/CIT	Tổng cộng/Total

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
I	**Nhà cung cấp nước ngoài/*Foreign providers***					
1	Cung cấp hàng hóa/*Goods*	**[9]**				
2	Cung cấp Dịch vụ/*Services*	**[10]**				
3	Dịch vụ có gắn với hàng hóa/*Services are associated to goods*	**[11]**				
~~4~~	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ/*The transaction relates to goods or services, or the type of service which can not be separated*	**[12]**				
	Tổng cộng/*Total* (I)			**[13]**	**[14]**	**[15]**
II	**Hộ, cá nhân/Individual**		**Doanh thu/Revenue**	**Số thuế đã khấu trừ/Tax withhold**		
				Thuế GTGT/VAT	**Thuế TNCN/PIT**	**Tổng cộng/Total**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	*Cung cấp Hàng hóa/Goods*	**[16]**				
2	*Cung cấp* Dịch vụ/Services	**[17]**				
3	**Sản xuất**, dịch vụ có gắn với hàng hóa/**Manufacturing** and services are associated to goods	**[18]**				

4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ/The transaction relates to goods or services, or the type of service which can not be separated	**[19]**				
	Tổng cộng/Total (II)			**[20]**	**[21]**	**[22]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

I hereby commit that the above declared data is correct and take legal responsibility for the declared data./.

NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ HOẶC BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (nếu có)
Họ và tên:…….
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số/:.....
TAX AGENT STAFF OR AUTHORIZED PARTY (if any)
Full name: . . . . . .
Practitioner Certificate number: .....

....., ngày... tháng... năm .....
Date month year
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
TAXPAYER or
THE LEGAL REPRESENTATIVE OF TAX PAYER
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)
(Signature, full name; Title, and seal (if any) / Digital signature)